

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán**  
**ngân sách huyện Quý I năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12 /2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 2022 cho các huyện, thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Nam về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương 2022;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 104/TTr-PTCKH ngày 05/4/2022 về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý I năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý I năm 2022 của huyện Thuận Nam (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/cáo);
- Sở Tài chính;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- UBND các xã;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Trương Xuân Vỹ**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện Thuận Nam)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>82.000</b>	<b>59.479</b>	<b>73%</b>	<b>111%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>82.000</b>	<b>19.852</b>	<b>24%</b>	<b>83%</b>
1	Thu nội địa	82.000	19.852	24%	83%
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		39.627		133%
<b>III</b>	<b>Thu quản lý qua ngân sách</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>244.373</b>	<b>71.720</b>	<b>29%</b>	<b>92%</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>244.373</b>	<b>71.720</b>	<b>29%</b>	<b>208%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	63.603	27.311	43%	91%
2	Chi thường xuyên	176.895	44.409	25%	93%
3	Dự phòng ngân sách	3.875		0%	

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện Thuận Nam)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>82.000</b>	<b>19.852</b>	<b>24%</b>	<b>83%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>82.000</b>	<b>19.852</b>	<b>24%</b>	<b>83%</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	23.600	6,7	0,03%	8%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		1.183		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.500	3.429	27%	23%
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.600	3.039	46%	184%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	9.200	2.894	31%	114%
7	Thu phí, lệ phí	1.500	588	39%	95%
8	Các khoản thu về nhà, đất	25.100	7.360	29%	257%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		36		
-	Thu tiền sử dụng đất	20.000	1.749	9%	65%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	5.100	5.575	109%	3186%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	3.500	1.314	38%	138%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		38		1000%
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>79.100</b>	<b>17.438</b>	<b>22%</b>	<b>75%</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	24.200	3.433	14%	207%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	54.900	14.005	26%	65%

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện Thuận Nam)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>244.607</b>	<b>71.720</b>	<b>29%</b>	<b>174%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>244.373</b>	<b>71.720</b>	<b>29%</b>	<b>208%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>63.603</b>	<b>27.311</b>	<b>43%</b>	<b>91%</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư cho các dự án</b>	63.603	27.311	43%	91%
<b>2</b>	<b>Chi đầu tư phát triển khác</b>				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>176.895</b>	<b>44.409</b>	<b>25%</b>	<b>146%</b>
<b>1</b>	Chi sự nghiệp kinh tế	8.064	884	11%	48%
<b>2</b>	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	100.370	21.350	21%	81%
<b>3</b>	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	861	263	31%	102%
<b>4</b>	Chi Sự nghiệp truyền thanh - truyền hình	514	90	18%	71%
<b>5</b>	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	264	77	29%	143%
<b>6</b>	Chi đảm bảo xã hội	12.844	5.811	45%	199%
<b>7</b>	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	45.012	10.517	23%	82%
<b>8</b>	Chi an ninh - quốc phòng	3.300	3.592	109%	138%
<b>9</b>	Chi bảo vệ môi trường	3.000	1.707	57%	161%
<b>10</b>	Chi sự nghiệp y tế (BHYT cho đối tượng tham gia kháng chiến)	302	105		
<b>11</b>	Chi khác ngân sách	2.364	13	1%	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>3.875</b>			
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>234</b>	<b>0</b>		
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>				